

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST

Ngày: 03-01-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Ngọc Lâm.

Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 01 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1958.

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

Đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1955. Theo giấy ủy quyền ngày 25/10/2019 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

Bị đơn: Bà Lý Thị L, sinh năm 1970 (có mặt).

Ông Phạm Văn T, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện bà Trần Thị D trình bày: Vào năm 2016, bà cho vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Lý Thị L mượn số tiền 12.000.000 đồng sau đó ông T, bà L có trả cho bà được 2.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng. Bà đòi nhiều

lần nhưng ông T, bà L không thanh toán số tiền còn lại. Do đó, bà yêu cầu vợ chồng ông T, bà L thanh toán cho bà số tiền còn nợ.

* *Tại phiên tòa ông Lê Hoàng T trình bày:* Ông thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông không yêu cầu ông T thanh toán số tiền còn nợ, ông chỉ yêu cầu bà Lý Thị L trả cho bà Trần Thị D số tiền 10.000.000 đồng.

* *Tại đơn đề nghị vắng mặt ông Phạm Văn T trình bày:* Ông và bà Lý Thị L là vợ chồng và hiện còn đang sống với nhau. Ông xác định không có vay tiền của bà Trần Thị D còn bà L có vay tiền của bà D hay không thì ông không biết và ông cũng không nghe bà L nói có thiếu tiền của bà D. Do đó ông không đồng ý thanh toán số tiền 10.000.000 đồng như bà D yêu cầu.

* *Tại bản tự khai và tại phiên tòa bà Lý Thị L trình bày:* Vào năm 20016 bà có hỏi vay của bà Trần Thị D số tiền 12.000.000 đồng, sau đó bà có trả cho bà D 2.000.000 đồng. Số tiền bà vay nhằm mục đích phụ vụ nhu cầu sinh hoạt trong gia đình nhưng khi vay bà không có cho chồng bà là ông Phạm Văn T biết vì lúc đó ông T làm đay thuê cho nhà bà D mà tiền lương không đủ trang trải cuộc sống gia đình. Khi vay bà có ký vào biên nhận nợ nay bà đồng ý trả cho bà D số tiền 10.000.000 đồng, không yêu cầu ông T có trách nhiệm trả cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị D khởi kiện yêu cầu bà Lý Thị L, ông Phạm Văn T cùng địa chỉ cư trú ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh C. trả tiền vay. Xét đây là quan hệ dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên yêu cầu của bà D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Phạm Văn T có đơn đề nghị vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2] Về nội dung: Ông Lê Hoàng T xác định vào năm 2016 bà Trần Thị D có cho vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Lý Thị L vay số tiền 12.000.000 đồng, ông T, bà L đã thanh toán được 2.000.000 đồng còn nợ lại 10.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Tại đơn đề nghị vắng mặt ông Phạm Văn T xác định không có vay tiền của bà D nên không đồng ý thanh toán cho bà D. Tại bản tự khai bà L xác định

vào năm 2016 có vay tiền của bà D đúng như bà D trình bày nên đồng ý thanh toán theo yêu cầu của bà D. Từ đó có cơ sở xác định việc vay tiền giữa bà D với bà L là thực tế có xảy ra. Tại phiên tòa ông T thay đổi yêu cầu, ông T chỉ yêu cầu bà L thanh toán số tiền còn nợ là 10.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D về việc yêu cầu bà Lý Thị L thanh toán tiền vay còn nợ. Buộc bà Lý Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị D số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

[3] Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch bà Trần Thị D không phải chịu. Án phí dân sự có giá ngạch bà Lý Thị L phải chịu 500.000 đồng. Bà L có nghĩa vụ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị D về việc yêu cầu bà Lý Thị L thanh toán số tiền còn nợ.

Buộc bà Lý Thị L thanh toán cho bà Trần Thị D số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch bà Trần Thị D không phải chịu. Án phí dân sự có giá ngạch bà Lý Thị L phải chịu 500.000 đồng. Bà L có nghĩa vụ nộp

tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiền;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiền;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nghi